

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số:02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19- 02- 2025

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thành, ông Phạm Đức Hải.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị T T K, sinh năm 1997

2- Bị đơn: Anh C M C, sinh năm 1993

Đều có địa chỉ: khu Thung Bằng, xã L, huyện L, tỉnh T.

(Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:
+ Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2024 và bản tự khai ngày 29/11/2024, nguyên đơn chị T T K trình bày: Chị và anh C M C tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu Thung Bằng, xã L, huyện L, tỉnh T. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc nhưng đến đầu tháng 11 năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 11/2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị K xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.
- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là C Y N, sinh ngày 16/02/2019; C k N, sinh ngày 22/10/2020.

Ly hôn chị K xin được nuôi cả 02 con chung không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Về nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: chị K không đề nghị Tòa án giải quyết.

Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị K và anh C. Đại diện chính quyền địa phương xã L đã xác nhận: Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị K và anh C, có mâu thuẫn. Hiện nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Còn nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không biết rõ vì chị K, anh C không yêu cầu chính quyền địa phương, khu dân cư và các ban ngành của địa phương hoà giải mâu thuẫn của vợ chồng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết cũng như xét xử vụ án, anh C M C đều vắng mặt không có lý do. Chị T T K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh C, chị K là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T T K được ly hôn anh C M C

- Về con chung: Giao cháu C Y N, sinh ngày 16/02/2019; cháu C k N, sinh ngày 22/10/2020 cho chị T T K trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh C M C không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị K tự nguyện không yêu cầu

Anh C M C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị T T K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa chị T T K và anh C M C là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là anh C có nơi cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh T. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T T K và anh C M C đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống giữa chị K và anh C có xảy ra mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết, Tòa án báo gọi anh C Nều lần nhưng các lần anh C đều vắng mặt không có lý do nên chị K xin ly hôn anh C là phù hợp thực trạng chung sống của vợ chồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T T K.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, kể từ khi vợ chồng ly thân các con đều do chị K nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị K có ý kiến xin được nuôi cả 02 con chung. Anh C đã được Tòa án báo gọi Nều lần nhưng các lần đều không có mặt để trình bày ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu C Y N và C k N cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Do chị K không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Quá trình giải quyết, chị K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T T K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T T K được ly hôn anh C M C

[2]. Về con chung: Giao cháu C Y N, sinh ngày 16/02/2019 và C k N, sinh ngày 22/10/2020 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị K tự nguyện không yêu cầu

Anh C M C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị T T K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006466 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị K đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao, nhận hợp lệ hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã L;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thảo

